BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG và AN NINH

LỚP 10

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

HS:	Học sinh
GV:	Giáo viên
SGK:	Sách giáo khoa
SGV:	Sách giáo viên
CNTT:	Công nghệ thông tin
NXBGDVN:	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo

MỤC LỤC

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 5

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

1. Nội dung 5

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực 6

3. Phương pháp dạy học 7

4. Phương pháp đánh giá kết quả 7

5. Thời lượng thực hiện 8

II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 8

1. Quan điểm biên soạn 8

2. Giới thiệu cấu trúc sách 9

3. Cấu trúc bài học 11

4. Minh họa những điểm mới của sách 13

5. Kế hoạch dạy học (hay phân phối chương trình) 19

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 22

1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh 22

2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp dạy học 26

3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài điển hình 31

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP 40

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực 40

2. Gợi ý, ví dụ minh hoạ (trong sách) về đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, tự đánh giá 43

V. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ 44

1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên 44

2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bài tập 46

VI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM 46

1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử 46

2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học 48

Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY 51

I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY (GIÁO ÁN) 51

1. Xác định mục tiêu của bài học 51

2. Xác định nội dung dạy học 51

3. Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của học sinh 52

4. Xác định phương pháp, phương tiện, thiết bị, học liệu dạy học 52

5. Thiết kế các hoạt động học tập 53

II. BÀI SOẠN MINH HOẠ 55

1. Dạng bài lí thuyết 55

2. Dạng bài thực hành 62

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh giữ vai trò chủ chốt trong việc giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, góp phần giáo dục cho HS lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành ở HS các phẩm chất, năng lực chung được quy định trong chương trình tổng thể, thông qua nội dung môn học, hình thành năng lực nhận thức các vấn đề về quốc phòng, an ninh và vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống.

Ở cấp Trung học phổ thông, Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học chính khoá, bảo đảm cho HS có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kĩ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

So với chương trình hiện hành, chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT có nhiều điểm mới phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện đại, nổi bật là:

1. Nội dung

Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh được xây dựng trên cơ sở các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Được xây dựng dựa trên nền tảng lí luận và thực tiễn, truyền thống, kinh nghiệm đánh giặc giữ nước của cha ông, nghệ thuật quân sự Việt Nam và cập nhật thành tựu của khoa học quân sự, sư phạm quân sự hiện đại.

Mạch nội dung môn học được cấu trúc theo 5 chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; Điều lệnh đội ngũ; Kĩ thuật chiến đấu bộ binh; Chiến thuật bộ binh; Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân.

Phân phối theo các lớp:

TT	Chủ đề	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
		Bài	Tiết	Bài	Tiết	Bài	Tiết
1	Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh	6	12	5	10	5	15
2	Điều lệnh đội ngũ	3	9				
3	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh			2	12	2	11
4	Chiến thuật bộ binh	1	3	2	6	2	5
5	Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân	2	7	1	3		

Trong đó, nội dung môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở lớp 10 được bổ sung thêm một số vấn đề cho phù hợp với thực tiễn công tác quốc phòng và an ninh hiện nay, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đó là: Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; một số hiểu biết về an ninh mạng.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực

Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh xác định rõ các phẩm chất, năng lực có thể hình thành và phát triển ở HS thông qua môn học. Nội dung giáo dục của môn học được lựa chọn phù hợp, nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời, thông qua việc hướng dẫn HS tiếp thu, vận dụng nội dung môn học vào thực tiễn, giúp HS hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi.

– Phẩm chất:

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phẩm chất là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người.

Phẩm chất chung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gồm: yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT giúp HS phát triển các phẩm chất chung, đồng thời giáo dục tình yêu quê hương,

đất nước, tinh thần nhân ái, nhân văn, ý thức trách nhiệm của công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Năng lực:

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

Năng lực chung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gồm: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT góp phần phát triển ở HS các năng lực chung, đồng thời phát triển các năng lực đặc thù là: năng lực nhận thức về các vấn đề quốc phòng, an ninh, năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống.

3. Phương pháp dạy học

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh giúp nhà trường và GV vận dụng sáng tạo hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, lấy hoạt động của HS làm trung tâm, tạo cơ hội và khuyến khích HS chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi HS, nhất là ở các hoạt động khám phá và vận dụng.

Đối với nội dung lí thuyết, GV có thể vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề, tạo tình huống có vấn đề, giúp HS chủ động vận dụng những hiểu biết về kiến thức phổ thông trong các môn học, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới.

Đối với nội dung thực hành, GV có thể vận dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với làm mẫu động tác trên vũ khí, trang bị; giảng dạy từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ phân đoạn đến tổng hợp, từ cơ bản đến ứng dụng; tổ chức luyện tập từ tự nghiên cứu, tập chậm, tập nhanh dần, tập tổng hợp cho đến khi thành thạo các kĩ năng, kĩ xảo quân sự cần thiết.

4. Phương pháp đánh giá kết quả

Đổi mới đánh giá kết quả, GV có thể linh hoạt vận dụng các hình thức đánh giá, kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS; kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, trắc nghiệm, vấn đáp, kiểm tra thực hành với tổ chức hội thao, hội thi.

5. Thời lượng thực hiện

So với chương trình hiện hành, thời lượng chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh mới tổng là 105 tiết, trong đó lớp 10: 35 tiết, lớp 11: 35 tiết, lớp 12: 35 tiết. Chương trình được xây dựng để bố trí giảng dạy theo phân phối chương trình cả năm học, các bài lí thuyết dạy theo phân phối chương trình, các bài thực hành dạy tập trung theo lớp, dứt điểm theo bài (không quá 3 tiết/buổi/tuần). Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các sở GD&ĐT chỉ đạo các trường phân chia thời lượng, lựa chọn địa điểm, hình thức dạy học phù hợp.

II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10

1. Quan điểm biên soạn

SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 của NXBGDVN được biên soạn với mục đích cụ thể hoá Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông theo Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT, là tài liệu chính thức, được sử dụng để giảng dạy môn học trong chương trình chính khoá theo quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Sách được biên soạn kế thừa những ưu điểm của sách Giáo dục quốc phòng và an ninh hiện hành, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của SGK các nước có nền giáo dục phát triển tiên tiến trên thế giới, phù hợp với các yêu cầu chung đối với SGK mới. Thể hiện cụ thể như sau:

– Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông, trọng tâm là chuyển nền giáo dục từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp HS hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

– Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về: Ban hành quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia thẩm định SGK. Trong đó, SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 không vi phạm pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không có định kiến về sắc tộc, tôn giáo hay phân biệt vùng miền; ngôn ngữ trong sáng, phù hợp với văn hoá của dân tộc.

– Bám sát Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc: Ban hành chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông. Nội dung chương trình có định hướng: Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh giúp HS phát triển các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm; giáo dục tình yêu quê hương,

đất nước, tinh thần nhân ái, nhân văn, ý thức trách nhiệm của công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc và phù hợp với đặc thù mỗi địa phương; phù hợp với tâm lí và trải nghiệm của HS trên phạm vi toàn quốc.

– Đảm bảo kế thừa và hiện đại, sách tiếp tục phát huy những yếu tố tích cực của SGK hiện hành, đồng thời tích cực đổi mới, phát triển theo hướng hiện đại, vận dụng hợp lí các kinh nghiệm biên soạn SGK của các nước trên thế giới.

– Nội dung biên soạn theo định hướng phát triển năng lực HS thông qua các hoạt động dạy và hoạt động học, từ nhận thức, tìm hiểu đến vận dụng kiến thức. Góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, giúp GV dễ dạy, HS dễ học.

– Nội dung các bài học phản ánh những vấn đề cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước; điều lệnh đội ngũ; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; một số hiểu biết về phòng thủ dân sự. Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống từ các cấp độ và phương diện khác nhau như: xác định được vai trò, vị trí, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và thực hiện được trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc phù hợp với lứa tuổi; nhận diện được các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, tội phạm và biện pháp phòng, chống; tích cực, chủ động đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2. Giới thiệu cấu trúc sách

a) Phần đầu sách

Phần đầu sách gồm:

– Hướng dẫn sử dụng sách: Giúp người đọc nắm được nội dung, ý nghĩa những hoạt động trong sách, từ đó sử dụng sách một cách thuận lợi nhất.

– Mục lục: Giúp người đọc nắm được trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu, kết thúc bài học, từ đó nhanh chóng tra cứu được vị trí các bài học.

– Lời nói đầu: Giúp người đọc hiểu được vị trí, vai trò của môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; biết được các chủ đề và các bài học đề cập trong sách; nắm được các hoạt động học tập để hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực một cách toàn diện.

b) Phần thân sách

Phần thân sách gồm 12 bài thể hiện nội dung ở các chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; Điều lệnh đội ngũ; Chiến thuật bộ binh; Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự.

Các bài học cụ thể như sau:

TT	Nội dung dạy học	Thời gian (tiết)		
		Tổng	Lí thuyết	Thực hành
1	Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	2	2	
2	Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	2	2	
3	Ma tuý, tác hại của ma tuý	2	2	
4	Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	2	2	
5	Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	2	2	
6	Một số hiểu biết về an ninh mạng	2	2	
7	Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	3	2	1
8	Một số nội dung Điều lệnh Quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	2	2	
9	Đội ngũ từng người không có súng	4		4
10	Đội ngũ tiểu đội	3		3
11	Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	3		3
12	Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương	4		4
Kiểm tra		4	2	2
Tổng		**35**	**18**	**17**

Trong đó, các bài 1, 2, 3, 4, 5, 6 đề cập nội dung về chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh. Nội dung kiến thức giúp HS hiểu và nêu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ; phân tích và trình bày được những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân; nêu được quy định của pháp luật về phòng, chống ma tuý cũng như phân tích được tác hại của ma tuý và những hình thức, con đường gây nghiện; trình bày được một số nội dung cơ bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông; nêu được tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; nêu và thực hiện được một số nội dung cơ bản của Luật An ninh mạng.

Các bài 8, 9, 10 đề cập nội dung về chủ đề: Điều lệnh đội ngũ. Nội dung kiến thức giúp HS nêu được một số nội dung chính trong Điều lệnh Quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân; nêu và thực hiện được các động tác đội ngũ từng người không có súng chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất; nêu và thực hiện được thứ tự động tác tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội để vận dụng trong các hoạt động chung của nhà trường.

Bài 11 đề cập nội dung về chủ đề: Chiến thuật bộ binh. Với nội dung kiến thức bài này, giúp HS nắm được ý nghĩa, trường hợp vận dụng và thực hiện được các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu phù hợp với địa hình, địa vật và tình huống cụ thể.

Bài 7, 12 đề cập nội dung về chủ đề: Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự. Nội dung kiến thức các bài học giúp HS phân tích, nhận diện và biết cách phòng tránh tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ; nắm được và biết cách sơ cứu các tai nạn thông thường, làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo, biết băng bó vết thương và chuyển thương.

c) Phần cuối sách

Phần cuối sách có bảng giải thích thuật ngữ, giúp HS nắm rõ ý nghĩa của những thuật ngữ quan trọng, liên quan tới nội dung bài học.

3. Cấu trúc bài học

Mỗi bài học trong SGK được thiết kế theo bốn hoạt động học tập, bao gồm: khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng. Trong đó, các hoạt động được cấu trúc logic và phù hợp với quy luật nhận thức của HS và lí thuyết kiến tạo. Từ tái hiện, nêu vấn đề, thực hành kiểm tra giả thuyết, phân tích kết quả, rút ra nhận định và vận dụng vào cuộc sống.

a) Hoạt động khởi động

Hoạt động khởi động thường được thiết kế bằng một hoạt động. Hoạt động này rất đa dạng, có thể là các câu hỏi gợi mở, quan sát hình ảnh, giải quyết tình huống hoặc các trò chơi nhằm tạo hứng thú, kết nối kinh nghiệm với bài học mới và định hướng cho HS tiếp cận nội dung bài học.

b) Hoạt động khám phá

Hoạt động khám phá thường được thiết kế bằng các hoạt động tìm tòi, khám phá, quan sát, đọc và trả lời câu hỏi, thảo luận nhằm xây dựng kiến thức mới cho HS.

Bằng việc quan sát các hình ảnh, câu hỏi và tình huống điển hình, học sinh chủ động tìm hiểu, khám phá, cùng bạn thảo luận, phát hiện và nhận diện tri thức mới. Hoạt động khám phá giúp HS có hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kĩ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Kết thúc hoạt động khám phá có phần chốt kiến thức ngắn gọn, cô đọng giúp HS ghi nhớ các kiến thức, kĩ năng cần thiết, cốt lõi.

c) Hoạt động luyện tập

Hoạt động luyện tập thường được thiết kế bằng các bài tập thực hành, luyện tập theo cá nhân, nhóm, giúp HS hoàn thành các hoạt động thông qua các câu hỏi, tình huống, bài tập thực hành hình thành kĩ năng hay viết một bức thư, liệt kê các hoạt động về công tác quốc phòng và an ninh diễn ra xung quanh HS.

Mục đích của hoạt động luyện tập nhằm củng cố, hoàn thiện những kiến thức, kĩ năng vừa thu nhận được ở hoạt động khám phá. Đây chính là những hoạt động gắn với thực tiễn cuộc sống mà HS được đưa vào các tình huống giả định về công tác quốc phòng và an ninh. Từ đó, HS nhận xét, phân biệt những hành vi đúng, sai, đồng tình hay không đồng tình với những hành vi đúng, sai và đề xuất quan điểm, cách xử lí khác nhau, tham gia vào các hoạt động trải nghiệm về công tác quốc phòng và an ninh trong nhà trường và địa phương nơi cư trú. Qua đó, giúp HS hiểu kĩ hơn kiến thức bài học và rèn luyện những kĩ năng quân sự cần thiết theo mục tiêu bài học.

GV có thể tổ chức hoạt động luyện tập ngay ở trên lớp hoặc giao bài tập về nhà, có thể đan xen với các đơn vị kiến thức tương ứng hoặc cũng có thể tách biệt.

d) Hoạt động vận dụng

Hoạt động vận dụng thường được thiết kế bằng các yêu cầu liên hệ, mở rộng phạm vi, nhiệm vụ ra ngoài khuân viên lớp học, ứng dụng ở gia đình, cộng đồng và khuyến khích tạo sản phẩm.

Mục đích của hoạt động vận dụng là giúp HS vận dụng những tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề về công tác quốc phòng và an ninh trong thực tiễn cuộc sống. Từ đó, góp phần hình thành năng lực đặc thù của môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, như: năng lực nhận thức các vấn đề về quốc phòng, an ninh; năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống. Đó chính là các hoạt động bài tập, triển khai tình huống mới trong cuộc sống giúp HS nhận thức rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc, sẵn sàng cống hiến, hi sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hoạt động vận dụng yêu cầu HS phải vận dụng các năng lực thông qua việc quan sát, trao đổi, thảo luận với bạn bè, GV, gia đình và xã hội để hoàn thành việc đánh giá thông qua các sản phẩm cụ thể.

4. Minh họa những điểm mới của sách

So với SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 hiện hành, SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 của NXBGDVN có nhiều điểm mới nổi bật, phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện đại. Ví dụ:

a) Nội dung

Nội dung sách được lựa chọn và sắp xếp một cách khoa học, tinh giản, phù hợp và thiết thực, gần gũi với thực tiễn cuộc sống và tâm lí của HS.

Tại bài 6: Một số hiểu biết về an ninh mạng, đề cập những nội dung: một số nhóm hành vi bị nghiêm cấm thực hiện trên không gian mạng; bảo vệ trẻ em trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng; một số thủ đoạn đánh cắp thông tin cá nhân người dùng; một số biện pháp bảo đảm thông tin cá nhân trên mạng. Đây là những nội dung được lựa chọn và sắp xếp một cách khoa học, tinh giản, phù hợp và thiết thực, gần gũi với thực tiễn cuộc sống; là những nội dung quan trọng giúp HS sử dụng Internet một cách an toàn trong thời đại công nghệ.

Hình 6.3. Một số biện pháp bảo mật thông tin cá nhân trên mạng

Ngoài những đơn vị kiến thức cơ bản trình bày trong SGK, ở mỗi bài học có thêm mục em có biết, giúp HS mở rộng, hiểu sâu hơn nội dung bài học.

xin phép gia đình hoãn ngày cưới của mình cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Em hãy sưu tầm những câu chuyện nói về nhiệm vụ của công an nhân dân và kể cho mọi người nghe. Điều gì khiến em tâm đắc nhất ở những câu chuyện đó?

VẬN DỤNG

1. Em hãy viết ra giấy những điều sẽ làm nếu trở thành sĩ quan Quân đội hoặc Công an nhân dân Việt Nam.
2. Từ những kiến thức đã học, em có nhận thức gì về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình với Tổ quốc?
3. Em hãy tìm hiểu về bậc hàm của hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

Em có biết?

"Bất cứ nơi đâu khi Tổ quốc cần, bất cứ lúc nào khi nhân dân vất vả, nguy nan, dù ngày nắng cháy hay đêm bão giông, luôn có các anh, những cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam. Băng mình qua mưa lũ, nắng lửa, không quản ngại hiểm nguy, vượt mọi thử thách, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bởi ứng phó thiên tai, bão lũ, khắc phục sự cố và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống dịch bệnh là nhiệm vụ chiến đấu trong thời bình của Quân đội nhân dân Việt Nam, là **"mệnh lệnh từ trái tim"** mỗi cán bộ, chiến sĩ"(1).

(1) *Phim tài liệu: Mệnh lệnh từ trái tim, Tổng Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.*

b) Cấu trúc bài học

Khác so với SGK hiện hành, mỗi bài học trong SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 của NXBGDVN được thiết kế theo 4 hoạt động: khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng.

– Hoạt động khởi động:

Hoạt động khởi động ở mỗi bài học giúp HS chia sẻ những điều liên quan, từ đó hướng đến những điều cần tìm hiểu của bài học.

Ở bài 1: Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, hoạt động khởi động yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết của mình về lực lượng vũ trang, từ đó tạo hứng thú, định hướng

KHỞI ĐỘNG

1. Quan sát hình 1.1 và cho biết: Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm những thành phần nào.
2. Hãy kể về những người thân hoặc người xung quanh hoạt động trong lực lượng vũ trang nhân dân mà em biết.

Hình 1.1. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

HS tìm hiểu về lịch sử, truyền thống của các lực lượng: Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ ở bài học.

– *Hoạt động khám phá:*

Hoạt động khám phá ở mỗi bài học giúp HS hình thành kiến thức mới, giải quyết vấn đề đặt ra của bài học.

Ở bài 7: Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ, hoạt động khám phá được thiết kế bằng nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như: quan sát hình ảnh, đọc thông tin, trả lời câu hỏi, tạo ra sản phẩm,... để HS tự mình khám phá và hình thành kiến thức mới. Từ đó, nhận biết được tác hại của các loại bom, mìn, đạn và biết cách phòng tránh tác hại của các loại bom, mìn, đạn; biết cách phòng tránh thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở địa phương; có kĩ năng xử lí khi xảy ra cháy nổ.

KHÁM PHÁ

I. PHÒNG, TRÁNH BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HOÁ HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC VÀ VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

1. Tác hại

Bom bi quả dứa, quả cam

Bom bi quả ổi

Mìn M14

Mìn M18A1

Đạn cối 81 sát thương

Đạn M79

Hình 7.1. Một số loại bom, mìn, đạn Quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam

– *Hoạt động luyện tập:*

Hoạt động luyện tập ở mỗi bài học giúp HS rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học ở hoạt động khám phá.

Ở bài 2: Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam, hoạt động luyện tập được thiết kế bằng câu hỏi, xử lí tình huống và yêu cầu tạo ra sản phẩm của HS. Từ đó, giúp HS củng cố kiến thức đã học về: mục tiêu Giáo dục quốc phòng và an ninh; nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam đã thu nhận được ở hoạt động khám phá.

LUYỆN TẬP

1. Em đặt mục tiêu gì khi học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh?
2. Em hãy nêu cảm nghĩ của mình về sĩ quan Hoàng Phú Thịnh sau khi đọc đoạn văn dưới đây.

Sau khi tốt nghiệp sĩ quan, mặc dù quê ở vùng đồng bằng sông Hồng nhưng Hoàng Phú Thịnh đã xung phong về công tác tại một đơn vị ở vùng biên giới phía Bắc của Tổ quốc. Trong quá trình công tác, anh luôn nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Theo kế hoạch, năm nay anh sẽ xây dựng gia đình, hai bên gia đình đã làm lễ ăn hỏi và ấn định ngày tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, anh xung phong cùng với đơn vị tham gia phòng chống dịch, vì vậy anh đã xin phép gia đình hoãn ngày cưới của mình cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Em hãy sưu tầm những câu chuyện nói về nhiệm vụ của công an nhân dân và kể cho mọi người nghe. Điều gì khiến em tâm đắc nhất ở những câu chuyện đó?

Em có biết?

"Bất cứ nơi đâu khi Tổ quốc cần, bất cứ lúc nào khi nhân dân vất vả, nguy nan, dù ngày nắng cháy hay đêm bão giông, luôn có các anh, những cán bộ, chiến sĩ Quân đội

Ở bài 12: Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương, hoạt động luyện tập được tổ chức theo cá nhân, theo nhóm giúp HS từng bước luyện tập thành thạo các thao tác băng bó vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương.

LUYỆN TẬP

1. Luyện tập cá nhân

Các tai nạn thông thường và sơ cứu bỏng: Từng người quan sát tranh và trình bày các biện pháp cấp cứu các tai nạn: bong gân; sai khớp; điện giật; đuối nước; ngất; rắn cắn; say nóng, say nắng và cách sơ cứu bỏng.

Kĩ thuật băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương: Từng người tự nghiên cứu lại các kĩ thuật băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương.

2. Luyện tập theo nhóm

Các tai nạn thông thường và sơ cứu bỏng: Ba người một nhóm, thay nhau trình bày nội dung như luyện tập cá nhân và có bổ sung, nhận xét, góp ý cho nhau.

Kĩ thuật băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương:

Ba người một nhóm, một người giả là nạn nhân, một người cấp cứu, người còn lại kiến tập.

Luân phiên thay nhau thực hiện các kĩ thuật băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương. Quá trình thực hiện từng người theo dõi, góp ý cho nhau để nắm chắc, thuần thục các kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương.

– *Hoạt động vận dụng:*

Hoạt động vận dụng ở mỗi bài học giúp HS vận dụng được những kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống.

Ở bài 7: Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ, hoạt động vận dụng được thiết kế gồm bốn tình huống thường diễn ra trong thực tế cuộc sống. Từ đó, giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống để phòng tránh tác hại của bom, mìn, đạn còn sót lại sau chiến tranh; biết cách xử lí khi mưa dông kèm theo sấm, chớp; nắm chắc và biết cách tuyên truyền về biện pháp phòng, chống dịch bệnh; biết cách xử lí khi xảy ra cháy nổ ở gia đình.

VẬN DỤNG

1. Hiện nay, ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều loại bom, mìn, đạn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, khi phát hiện các loại vũ khí đó các em sẽ xử lí như thế nào?
2. Trong một lần trên đường đi học về bất chợt trời đổ mưa và kèm theo sấm, chớp, khi đó em sẽ làm gì để đảm bảo an toàn?
3. Một hôm, bạn thân của anh trai em đến nhà chơi và ở lại ăn cơm. Mọi người vui vẻ và kể với nhau rất nhiều chuyện. Khi đó, em phát hiện người bạn của anh trai mình vừa trở về từ vùng có dịch bệnh nhưng khai báo không trung thực để không phải cách li. Lúc đó em sẽ hành động như thế nào?
4. Khi phát hiện xảy ra cháy do chập điện trong gia đình, ngọn lửa đang bắt đầu lan sang các vật dụng khác, em sẽ xử lí như thế nào?

c) Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá

SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 của NXBGDVN tạo thuận lợi cho GV vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học và phương thức kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS. Sách không áp đặt cứng nhắc mà gợi ý cho nhà trường, GV tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với điều kiện thực tế ở mỗi địa phương, trường, lớp và nhận thức của HS. Tạo điều kiện, khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức đã học về công tác quốc phòng và an ninh vào thực tiễn cuộc sống. Có nhiều dạng câu hỏi, bài tập vận dụng, xử lí tình huống giúp đáp ứng yêu cầu cần đạt của bài học.

Ở bài 2: Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam, có tình huống về nhân vật Hoàng Phú Thịnh từ khi phấn đấu trở thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam cho đến khi ra trường, thực hiện nhiệm vụ. GV có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: đàm thoại, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, đóng vai,… Thông qua việc tham gia các hoạt động học tập của HS, GV có thể kiểm tra, đánh giá về: kiến thức (mức độ nhận thức về việc nắm tiêu chuẩn tuyển chọn đào tạo sĩ quan, nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan,...); phẩm chất trách nhiệm (tích cực hay không tích cực khi làm việc nhóm, đóng góp nhiều hay ít vào kết quả của nhóm,...); năng lực giao tiếp và hợp tác (khả năng đưa ra quan điểm về nhân vật Hoàng Phú Thịnh có tính thuyết phục không, cách thuyết trình và đặt vấn đề có căn cứ tin cậy không,...).

Ở bài 9: Đội ngũ từng người không có súng, GV có thể vận dụng và kết hợp nhiều phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu, luyện tập, hội thao vừa phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập, vừa tạo hình ảnh trực quan, sinh động về kĩ thuật thực hiện các động tác điều lệnh. Thông qua việc tổ chức luyện tập, GV kiểm tra, đánh giá về ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, sự cố gắng, nỗ lực để luyện tập thành thạo các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng của HS.

III. ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN KHI ĐANG ĐI

1. Động tác đi đều

Ý nghĩa: Thực hiện khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự, biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh và trang nghiêm.

Khẩu lệnh: "Đi đều – BƯỚC", có dự lệnh và động lệnh. "Đi đều" là dự lệnh, "BƯỚC" là động lệnh.

Cử động 1 nhìn phía trước | Cử động 1 nhìn nghiêng | Cử động 2 nhìn phía trước

Hình 9.4

d) Thiết kế mĩ thuật

SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 có một thiết kế mĩ thuật đẹp, tổng thể, hài hoà, nhất quán và khoa học. Sách gồm 84 trang, kích thước 19 x 26,5 cm, in bốn màu, tạo sự hấp dẫn, hiện đại, giàu tiện ích và dễ dàng sử dụng cho mỗi HS, GV.

Nội dung bài học được thể hiện bằng sự kết hợp hài hoà kênh chữ với kênh hình. Kênh hình phong phú, đa dạng; phông chữ và kiểu chữ đơn giản, phổ biến, phân biệt rõ nội dung cơ bản với chốt kiến thức của từng mục hay bài học.

b) Hành động chiến đấu

Động tác đi khom khi chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK.

Động tác đi khom cao:

Tư thế người: Hai chân chùng xuống, từ bụng trở lên hơi cúi; người thấp hơn đi thường, nghiêng sang phải hoặc trái.

Tư thế súng: Tay trái cầm ốp lót tay, tay phải cầm tay cầm, ngón trỏ đặt ngoài vòng cò (nếu người nghiêng sang trái tay cầm súng ngược lại), đầu nòng súng cao ngang tầm mắt (Hình 11.1a).

Khi tiến: Chân sau bước về phía trước đặt cả bàn chân xuống đất, chân trước hơi gập, chân sau cong tự nhiên, cứ như vậy hai chân thay nhau để tiến (Hình 11.1b).

Động tác đi khom thấp: Tư thế súng và khi tiến như động tác đi khom cao chỉ khác ở tư thế người (hai đầu gối chùng thấp hơn, người cúi thấp hơn).

Hình 11.1. Động tác đi khom cao

Chú ý: Khi đi khom, chân không đi nhún nhảy (mổ cò), đầu không nhấp nhô.

5. Kế hoạch dạy học (phân phối chương trình)

Theo phụ lục III (Kế hoạch giáo dục của GV) Công văn số 5512 ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhóm tác giả gợi ý phân phối chương trình như sau:

STT	Bài học	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm
1	Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	2	Tuần 1, 2	Hình ảnh theo hình 1.1 – 1.4 trong SGK; giấy A0; máy tính, máy chiếu.	Phòng học
2	Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	2	Tuần 3, 4	Tranh, ảnh theo hình 2.1 và 2.2 trong SGK; giấy A0, A4; máy tính, máy chiếu.	Phòng học
3	Ma tuý, tác hại của ma tuý	2	Tuần 5, 6	Tranh, ảnh theo hình 3.1 – 3.6 trong SGK; giấy A0; máy tính, máy chiếu.	Phòng học
4	Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	2	Tuần 7, 8	Tranh, ảnh theo hình 4.1 – 4.3 trong SGK và một số hình ảnh về biển báo giao thông khác; máy tính, máy chiếu.	Phòng học
5	Kiểm tra giữa kì	1	Tuần 9	Hệ thống câu hỏi và đáp án (trắc nghiệm, tự luận,…).	Phòng học
6	Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	2	Tuần 10, 11	Tranh, ảnh theo hình 5.1 – 5.3 trong SGK; giấy A0; máy tính, máy chiếu.	Phòng học
7	Một số hiểu biết về an ninh mạng	2	Tuần 12, 13	Tranh, ảnh theo hình 6.1 – 6.3 trong SGK; giấy A0; máy tính, máy chiếu.	Phòng học

8	Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	3	Tuần 14, 15, 16	Tranh, ảnh theo hình 7.1 – 7.5 trong SGK; giấy A0; máy tính, máy chiếu.	Phòng học; ngoài trường
9	Kiểm tra cuối kì	1	17	Hệ thống câu hỏi và đáp án (trắc nghiệm, tự luận,…).	Phòng học
10	Một số nội dung Điều lệnh Quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	2	Tuần 18, 19	Tranh, ảnh theo hình 8.1 – 8.6 trong SGK; máy tính, máy chiếu.	Phòng học
11	Đội ngũ từng người không có súng	4	Tuần 20 – 23	Bộ tranh về điều lệnh đội ngũ từng người không có súng.	Sân trường
12	Đội ngũ tiểu đội	3	Tuần 24, 25, 27	Bộ tranh đội ngũ tiểu đội.	Sân trường
13	Kiểm tra giữa kì	1	Tuần 26	Hệ thống câu hỏi và đáp án (vấn đáp, thực hành,…).	Sân trường, bãi tập
14	Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	3	Tuần 28 – 30	Mô hình súng tiểu liên AK – 47 luyện tập; bia số 6, 7; cờ địch, cờ chỉ huy, còi.	Bãi tập
15	Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương	4	Tuần 31 – 34	Tranh, ảnh về các tai nạn thông thường và sơ cứu bỏng; băng cá nhân, bông, gạc, dây buộc, que xoắn và dây garô, nẹp tre hoặc gỗ, cáng thương.	Sân trường
16	Kiểm tra cuối kì	1	Tuần 35	Hệ thống câu hỏi và đáp án (vấn đáp, thực hành,…).	Sân trường, bãi tập

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Định hướng phương pháp dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

– Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích luỹ được để phát triển.

– Tổ chức các hoạt động khám phá vấn đề, luyện tập, thực hành và vận dụng cho HS.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

– Đa dạng hoá các hình thức dạy học.

Các hoạt động học tập được tổ chức trong và ngoài khuân viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia seminar, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

– Tạo điều kiện để HS tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Tuỳ theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

b) So sánh dạy học tiếp cận nội dung với dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực
Về mục tiêu dạy học	– Chú trọng hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ khá rõ. – Mục tiêu học để thi, học để hiểu biết được ưu điểm.	– Chú trọng hình thành phẩm chất và năng lực. – Lấy mục tiêu học để làm, học để cùng chung sống làm trọng.
Về nội dung dạy học	– Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành là chủ yếu. – Nội dung được quy định khá chi tiết trong chương trình. – Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết, sự phát triển tuần tự của các khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. – SGK được trình bày sẵn hệ thống kiến thức.	– Nội dung được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt được về phẩm chất, năng lực. – Chỉ xác lập các cơ sở để lựa chọn nội dung trong chương trình. – Chú trọng nhiều hơn đến các kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. – SGK không trình bày thành hệ thống kiến thức mà phân nhánh và khai thác các chuỗi chủ đề để gợi mở tri thức, kĩ năng.
Về phương pháp dạy học	– GV chủ yếu là người truyền thụ tri thức; HS lắng nghe, tham gia và thực hiện các yêu cầu tiếp thu tri thức được quy định sẵn. Khá nhiều GV sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống. Việc sử dụng phương pháp dạy học theo định hướng của GV là chủ yếu.	– GV là người tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,… GV sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá,…) phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS.

	– HS dễ tiếp thu thụ động, chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì những tri thức được quy định sẵn. – Kế hoạch bài dạy thường được thiết kế theo tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; phương pháp, kĩ thuật dạy học dễ có sự lặp lại, quen thuộc.	– HS chủ động tham gia hoạt động, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện, tìm kiếm tri thức, kĩ năng. – Kế hoạch bài dạy được thiết kế dựa vào trình độ và năng lực của HS; phương pháp, kĩ thuật dạy học đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau để triển khai kế hoạch bài dạy.
Về môi trường học tập	GV thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học và các dãy bàn ít được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau.	Môi trường học tập có tính linh hoạt, phù hợp với các hoạt động học tập của HS, chú trọng yêu cầu cần phát triển ở HS để đa dạng hoá hình thức bàn ghế, bố trí phương tiện dạy học.
Về đánh giá	– Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, ít quan tâm đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. – Quá trình đánh giá chủ yếu do GV thực hiện.	– Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả "đầu ra", quan tâm tới sự tiến bộ của HS, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các phẩm chất và năng lực cần có. – HS được tự đánh giá và được tham gia vào đánh giá lẫn nhau,...
Về sản phẩm giáo dục	– HS chủ yếu tái hiện các tri thức, phải ghi nhớ phụ thuộc vào tài liệu và SGK có sẵn. – Việc chú ý đến khả năng ứng dụng chưa nhiều nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế.	– HS vận dụng được tri thức, kĩ năng vào thực tiễn, khả năng tìm tòi trong quá trình dạy học đã được phát huy nên năng lực ứng dụng cũng có cơ hội phát triển. – Chú ý đến khả năng ứng dụng nhiều nên sự năng động, tự tin ở HS biểu hiện rõ.

c) Yêu cầu đối với giáo viên trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

– GV cần tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết.

Tổ chức chuỗi các hoạt động học tập là việc GV sắp xếp, bố trí các hoạt động học tập theo một trình tự nhất định, phù hợp với mục tiêu bài học.

Trong dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học của HS để HS tích cực, chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kĩ năng mới, vừa học hỏi được để hình thành kiến thức, kĩ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra, đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu do GV đã đề ra.

– GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp.

GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học và giáo dục biểu hiện ở việc GV tập trung, bỏ nhiều sức lực, thời gian, suy nghĩ,… vào việc chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp nhằm đạt được mục tiêu dạy học một cách tối ưu.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu, vận dụng hệ thống các phương pháp, kĩ thuật dạy học, đặc biệt là các phương pháp, kĩ thuật dạy học có ưu thế trong việc phát huy phẩm chất, năng lực người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tạo ra chuỗi hoạt động có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp.

Các phương pháp, kĩ thuật dạy học cần đảm bảo HS phải là chủ thể của hoạt động học, là người chủ động tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề. Có thể vận dụng phối hợp, linh hoạt phương pháp, kĩ thuật dạy học theo hướng tìm tòi, khám phá, kết hợp với các phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học tích cực, hiện đại có ưu thế trong việc phát triển phẩm chất, năng lực HS.

– GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu.

GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu là việc GV lưu tâm đến tầm quan trọng của phương pháp học tập, nghiên cứu ở HS, từ đó hướng dẫn HS

kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học của HS.

Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Bồi dưỡng năng lực tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định phẩm chất, năng lực và để cống hiến.

GV hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu cho HS bao gồm việc giúp HS biết cách xây dựng kế hoạch học tập, biết cách đọc các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, biết cách lắng nghe và ghi chép trên lớp, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới, phù hợp trong các môn học và hoạt động giáo dục; biết quy trình nghiên cứu khoa học,... Bên cạnh đó, GV cần tạo cơ hội và môi trường phù hợp để giúp HS rèn luyện, biến những tri thức về phương pháp nêu trên thành năng lực tự chủ và tự học.

– GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác.

GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác là việc GV đầu tư vào việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong hoạt động nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về năng lực tự chủ, tự học lẫn năng lực giao tiếp và hợp tác.

GV cần có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực, vừa độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi cái mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy – trò và trò – trò, nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung. Bên cạnh đó, GV cũng cần có khả năng tổ chức dạy học hợp tác, đặc biệt là việc thảo luận trong dạy học hợp tác. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học phát triển khả năng của bản thân.

2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp dạy học

Trong dạy học, GV có thể vận dụng đa dạng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực phù hợp với thực tế của nhà trường, lớp như: dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề,... Đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thường được vận dụng các phương pháp sau:

a) Phương pháp thảo luận nhóm

– Đặc điểm: Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến nhằm huy động kinh nghiệm, kiến thức của HS tham gia vào giải quyết một vấn đề, tình huống về công tác quốc phòng và an ninh trong cuộc sống. Thảo luận nhóm giúp HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

– Cách thực hiện:

+ Chuẩn bị nội dung làm việc nhóm: Nội dung thảo luận bám sát mục tiêu bài học, phù hợp với HS và tình hình thực tiễn về công tác quốc phòng và an ninh ở địa phương rõ ràng, ngắn gọn.

+ Giao nhiệm vụ nhóm: Nói rõ nhiệm vụ của nhóm (có thể ghi lên bảng, giấy), quy định thời gian thảo luận và thời gian trình bày, vị trí ngồi của các nhóm.

+ Chia nhóm: Tuỳ theo sĩ số của lớp để chia nhóm phù hợp (4 đến 10 người một nhóm), chia một cách ngẫu nhiên hoặc theo tổ, theo bàn, theo dãy.

+ HS làm việc nhóm: Các thành viên tham gia đóng góp ý kiến, nhóm trưởng hoặc thư kí ghi ý kiến vào giấy khổ lớn. GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm làm việc.

+ Trình bày kết quả làm việc nhóm: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.

+ GV tổng kết, bổ sung: GV tổng hợp, phân tích ý kiến của các nhóm; bổ sung, làm rõ vấn đề cần giải quyết; định hướng HS vận dụng kết quả thảo luận vào thực tiễn.

b) Phương pháp trình bày trực quan

– Đặc điểm: Đây là phương pháp GV sử dụng phương tiện trực quan ở các dạng khác nhau để minh hoạ cụ thể hoá nội dung học tập. Trình bày các đồ dùng, phương tiện trực quan là một phương pháp được sử dụng trước, trong và sau khi giới thiệu nội dung học tập mới; trong quá trình ôn tập, củng cố kiến thức và khi kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo của người học.

– Các phương tiện trực quan:

Các vật thật như vũ khí, trang bị,... là loại phương tiện tốt nhất, giúp HS tri giác chính xác nhất nội dung bài học và nhanh chóng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Các vật tạo hình như mô hình, tranh vẽ,... là loại phương tiện trực quan, dùng để thay thế cho các sự vật, hiện tượng khi không có điều kiện tri giác trực tiếp.

Các vật tượng trưng như bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị,... là loại phương tiện trực quan, mô tả sự vật, hiện tượng dưới dạng khái quát, thu nhỏ hoặc giản đơn.

Các phương tiện nghe, nhìn như phim, ảnh, video, vô tuyến truyền hình, máy tính, băng ghi âm, ghi hình,... là các vật mang thông tin hoặc chứa đựng thông tin dạy học, phản ánh các nội dung học tập, thay thế hoặc hỗ trợ cho nội dung lí thuyết; hoặc mô tả các sự vật, hiện tượng mà HS không có thời gian hoặc điều kiện quan sát trực tiếp.

Ngoài ra, GV còn dùng bảng và phấn hoặc bút để minh hoạ các số liệu, ví dụ dẫn chứng,... giúp HS lĩnh hội vững chắc nội dung học tập.

c) Phương pháp làm mẫu

– Đặc điểm: Đây là phương pháp mà nguồn cung cấp tri thức cho HS là các thao tác, động tác mẫu và được xem là phương tiện trực quan để minh hoạ, cụ thể hoá nội dung học tập. GV truyền đạt kiến thức đến HS thông qua các thao tác, động tác mẫu. HS thông qua các thao tác, động tác mẫu để lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo.

– Cách thực hiện:

+ GV tự làm mẫu: Với dạng này, nguồn cung cấp thông tin học tập cho HS là các thao tác, động tác mẫu của GV. Vận dụng đối với các động tác của cá nhân.

+ Sử dụng đội mẫu (người làm mẫu): GV sử dụng một người hoặc một số người đã được bồi dưỡng thành thạo để trình bày, biểu diễn các động tác mẫu dưới sự chỉ đạo, điều khiển của GV. Với dạng này, nguồn cung cấp thông tin học tập cho HS là các thao tác, hành động của đội mẫu (người làm mẫu). Sử dụng đội mẫu khi giới thiệu động tác, thao tác của tập thể; sử dụng người làm mẫu khi giới thiệu các thao tác, động tác cá nhân hay động tác làm mẫu ở xa vị trí người học, đội mẫu (người làm mẫu) phải được bồi dưỡng trước theo thứ tự nội dung thuyết trình của người dạy.

+ Sử dụng phim, băng hình giáo khoa để làm mẫu: Tuỳ từng nội dung bài học, điều kiện buổi học cụ thể, GV có thể dùng băng hình để làm mẫu. Nguồn cung cấp thông tin học tập cho HS ở dạng này là các thao tác, động tác mẫu từ các phim, băng hình do GV hoặc đội mẫu biểu diễn và ghi lại.

– Các bước làm mẫu:

Bước 1: Làm nhanh, thực hiện động tác với tốc độ, nhịp điệu như trong thực tế xảy ra và có thể gắn với tình huống.

Bước 2: Làm chậm có phân tích, thực hiện động tác với tốc độ chậm, kết hợp với phân tích các thao tác, cử động.

Bước 3: Làm tổng hợp, thực hiện liên kết các động tác với nhau theo tốc độ chậm (không nằm trong tình huống).

d) Phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật

– Đặc điểm:

Lấy rèn luyện động tác thực hành là chủ yếu, mỗi hành động chiến đấu có tượng trưng tình huống và tập đi, tập lại nhiều lần. Chú trọng rèn động tác chỉ huy là chính, hiệp đồng của phân đội là quan trọng. Tiến hành trên thao trường, bãi tập có thiết bị sẵn.

– Cách thực hiện:

Bước 1: Nêu tên vấn đề huấn luyện và thời gian.

Bước 2: Giảng nguyên tắc.

GV giảng nguyên tắc, chỉ đạo hành động của người chỉ huy và phân đội đối với từng vấn đề huấn luyện cụ thể. Khi giảng, kết hợp phân tích với chứng minh bằng kinh nghiệm chiến đấu (nếu có thể) hoặc phương án tập.

Bước 3: Nêu tình huống.

Nhằm đưa người học vào trạng thái chiến đấu nhất định, nội dung tình huống thường có: thời gian tác chiến, địa điểm, tình hình địch, ta trực tiếp và có liên quan. Phương pháp nêu tình huống có thể bằng lời; bằng lời kết hợp với bia, cờ, quân xanh để thể hiện sinh động về hành động của địch.

Bước 4: Bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động.

Bàn cách xử trí: Sau khi nêu tình huống, người dạy đặt ra một số câu hỏi nhằm vào hành động của phân đội, của từng cương vị. Cũng có thể đưa ra 2 – 3 cách giải quyết tình huống, sau đó khêu gợi HS suy nghĩ, lựa chọn và lí giải tại sao chọn cách giải quyết này và ngược lại. GV lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS ở từng cương vị biên chế phát biểu và bàn luận.

Kết luận bằng lời: GV nêu rõ cách xử trí của người chỉ huy; hành động chiến đấu của phân đội.

Kết luận bằng động tác: GV thể hiện hành động chiến đấu sát thực tế chiến đấu.

Hướng dẫn hành động: GV nêu rõ đường cơ động, vị trí lợi dụng trên đường cơ động, động tác hoặc đội hình vận động, thứ tự phương pháp vận động, vị trí triển khai chiếm lĩnh, xung phong hoặc nơi sẽ đánh chiếm, nhiệm vụ trước mắt, nhiệm vụ tiếp theo. Bằng khẩu lệnh, kí, tín hiệu đã quy định, điều khiển cho người tập hoặc bộ phận đó vào các vị trí ở thực địa như đã hướng dẫn. Cứ như vậy, xếp cho người này, bộ phận này đến người khác, bộ phận khác; giới thiệu đội hình đã xếp cho lớp học nắm được.

Bước 5: Luyện tập.

Trước khi tổ chức luyện tập, GV phổ biến ý định luyện tập gồm nội dung; thời gian; tổ chức, phương pháp; địa điểm, hướng; kí, tín hiệu luyện tập. Đồng thời, phải hướng dẫn cách tiến hành duy trì luyện tập, sửa tập.

Cách luyện tập: Người học tự nghiên cứu, tập trong đội hình của tổ, tập cho đến khi thuần thục.

Bước 6: Nhận xét.

GV tập trung lớp học, kiểm tra và nhận xét ưu, nhược điểm trong quá trình luyện tập, chỉ rõ điểm mạnh, yếu của từng người, từng bộ phận để người học rút kinh nghiệm, khắc phục sửa chữa khi học tập các nội dung tiếp theo.

e) Phương pháp luyện tập

– Đặc điểm: Đây là phương pháp GV tổ chức cho HS luyện tập lặp đi, lặp lại nhiều lần các thao tác, các hành động nhất định một cách có ý thức, nhằm hình thành, hoàn thiện các kĩ xảo, kĩ năng cần thiết. Đồng thời, qua luyện tập còn giúp HS củng cố, hiểu sâu kiến thức lí thuyết đã học, phát triển trí tuệ, rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại và bản lĩnh tâm lí.

– Cách thực hiện: Luyện tập được tổ chức theo cá nhân, tổ, nhóm và thực hiện theo trình tự các bước sau:

Bước 1: Tự nghiên cứu.

Bước này giúp HS nhớ và làm đúng động tác, chưa yêu cầu làm nhanh, mạnh. Nếu là động tác ứng dụng thì bước này chủ yếu là nghiên cứu tình huống và các động tác cần ứng dụng vào từng điều kiện cụ thể.

Bước 2: Tập chậm, tập phân đoạn.

Bước này tiến hành tập chậm lần lượt từng cử động, từng yếu lĩnh đến toàn bộ động tác của cá nhân và tập thể, vừa tập vừa rút kinh nghiệm, tự phát hiện sai sót để sửa tập.

Bước 3: Tập tổng hợp.

Bước này tiến hành sau khi tập chậm, tập phân đoạn để từng bước hoàn chỉnh, thành thạo động tác.

3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài điển hình

a) Dạng bài lí thuyết

Đối với dạng bài lí thuyết chủ yếu diễn ra ở phòng học, GV có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, có điều kiện áp dụng nhiều phương tiện dạy học, CNTT trong quá trình dạy học.

Để dạy học tốt dạng bài lí thuyết, GV cần thực hiện tốt những nội dung sau:

Chuẩn bị tốt thiết bị dạy học và học liệu.

Sử dụng các câu hỏi, tình huống có vấn đề, câu chuyện, việc làm,... cụ thể, sát thực tiễn công tác giáo dục quốc phòng và an ninh đang diễn ra ở nhà trường, địa phương.

Tăng cường vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong học tập.

Khuyến khích HS vận dụng kiến thức liên môn, kinh nghiệm trong thực tiễn cuộc sống để khám phá kiến thức mới; tạo điều kiện để HS tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân thiện giữa GV và HS, giữa HS với nhau trong lớp học.

Những nội dung trên chỉ là gợi ý, GV nên vận dụng linh hoạt cách tiến hành các hoạt động học tập sao cho phù hợp với điều kiện của nhà trường, lớp và năng lực của GV, nhận thức của HS.

Ví dụ: Bài 2: Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam (SGK trang 11-15) được triển khai cách thức tiến hành dạy học trong SGV như sau:

Bài 2

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phân tích và trình bày được những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân.

Tích cực, chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quốc phòng và an ninh.

Có định hướng nghề nghiệp sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, phấn đấu được ở lại phục vụ quân đội, công an lâu dài cũng như đăng kí thi vào các học viện, nhà trường quân đội và công an.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0, A4.

Tranh ảnh theo hình 2.1 và 2.2 trong SGK và các loại tranh ảnh, tư liệu liên quan đến quốc phòng và an ninh; văn bản Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS vào bài học và hướng HS tìm hiểu nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

Cách 1: GV nêu câu hỏi trong SGK, gọi HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Cách 2: GV có thể nêu và hỏi HS về một số hoạt động công tác quốc phòng và an ninh ở địa phương, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2. Khám phá

I. NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Mục tiêu: HS trình bày được mục tiêu, quyền và trách nhiệm của mình trong học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

GV giới thiệu về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, bao gồm 8 chương, 47 điều.

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin và hoàn thành nội dung theo bảng gợi ý trong SGK vào giấy khổ lớn.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Căn cứ vào tình hình, GV thống nhất nội dung theo bảng gợi ý.

Gợi ý:

Mục tiêu, đối tượng học, phát triển bản thân: Như trình bày ở SGK (Điều 4, 7 và Điều 11).

Nội dung học: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; Điều lệnh đội ngũ; Kĩ thuật chiến đấu bộ binh; Chiến thuật bộ binh; Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân.

Kết thúc hoạt động học tập, GV chốt kiến thức về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu: HS trình bày được vị trí, chức năng, nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

GV giới thiệu Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, bao gồm 7 chương, 51 điều.

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 2.1 trong SGK và thực hiện yêu cầu: Quan sát hình 2.1 và cho biết vị trí, chức năng của sĩ quan.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung vị trí, chức năng của sĩ quan.

Gợi ý:

Hình 2.1a là nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của sĩ quan, thể hiện chức năng bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giành thắng lợi trong mọi điều kiện.

Hình 2.1b là nhiệm vụ bộ đội giúp nhân dân vùng biển gia cố bờ kè, nhà cửa chống bão, thể hiện việc sĩ quan lãnh đạo, chỉ huy đơn vị tham gia phòng, chống lụt bão.

Hình 2.1c là nhiệm vụ bộ đội giúp nhân dân thu hoạch lúa sau bão, thể hiện sĩ quan tham gia thực hiện công tác dân vận.

Hình 2.1d là bộ đội hải quân phối hợp với dân quân tự vệ tuần tra bờ biển, thể hiện việc luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc của người sĩ quan nói riêng, quân đội nói chung.

Từ nội dung các hình ảnh, GV làm rõ vị trí, chức năng của sĩ quan.

GV nêu câu hỏi: Hãy nêu nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan đối với Tổ quốc.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan.

Kết thúc hoạt động học tập, GV chốt kiến thức về Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Luật Công an nhân dân

a) Mục tiêu: HS trình bày được vị trí, chức năng của công an nhân dân và nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

GV giới thiệu Luật Công an nhân dân được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2019, bao gồm 7 chương, 46 điều.

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 2.2 trong SGK và trả lời câu hỏi: Quan sát hình 2.2 và cho biết công an nhân dân có vị trí, chức năng gì?

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về vị trí, chức năng của công an nhân dân.

Gợi ý:

Hình 2.2a là cán bộ, chiến sĩ công an giúp nhân dân gia cố bờ bao chống tràn, thể hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân.

Hình 2.2b là lực lượng phòng cháy, chữa cháy đang thực hiện nhiệm vụ, thể hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy, nhằm hạn chế, ngăn chặn hậu quả đáng tiếc về người và tài sản do cháy nổ, hoả hoạn. Góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân, ổn định trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân.

Hình 2.2c là các lực lượng công an nhân dân tổ chức phối hợp chặt chẽ, bảo đảm an toàn tuyệt đối các Hội nghị Thượng đỉnh trong và ngoài nước diễn ra tại Việt Nam, thể hiện Việt Nam là một đất nước thực sự an toàn, thân thiện và hấp dẫn.

Hình 2.2d là lực lượng cảnh vệ thực hiện tình huống bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, thể hiện việc bảo đảm an ninh quốc gia trong mọi tình huống, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Từ nội dung các hình ảnh, GV làm rõ vị trí, chức năng của công an nhân dân.

GV nêu câu hỏi: Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan chiến sĩ công an nhân dân là gì?

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân.

Kết thúc hoạt động học tập, GV chốt kiến thức về Luật Công an nhân dân.

II. PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH SĨ QUAN QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Tiêu chuẩn

a) Mục tiêu: HS nắm được điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và xác định các tiêu chuẩn tuyển chọn, đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam; Vận dụng những thông tin đó vào tình huống ở nội dung sau.

2. Tình huống

a) Mục tiêu: HS có hướng phấn đấu trở thành sĩ quan Quân đội hoặc Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi:

Điều gì đã khiến Hoàng Phú Thịnh quyết tâm trở thành sĩ quan?

GV vận dụng phương pháp đàm thoại để làm rõ: Hoàng Phú Thịnh muốn trở thành sĩ quan để cống hiến cho Tổ quốc như thế nào? Những biểu hiện cụ thể là gì?

Để trở thành sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân em sẽ làm những gì?

GV gọi một vài HS trình bày những hành động cụ thể để phấn đấu trở thành người sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân. Phân tích những hành động phù hợp và định hướng HS học tập, rèn luyện theo các tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khoẻ để đủ điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân.

Đây là câu hỏi mở, do vậy GV dựa vào câu trả lời của HS để định hướng tư tưởng và gắn nghĩa vụ, trách nhiệm của HS với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân vào thực hành các nhiệm vụ cụ thể.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

Câu 1: GV hướng dẫn HS tự xác định mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực khi học tập các nội dung: Chính sách quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước; truyền thống đánh giặc của dân tộc; kĩ năng về điều lệnh đội ngũ, kĩ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh,…

Câu 2: GV hướng dẫn HS đối chiếu các thông tin ở Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam để đưa ra cảm nghĩ của mình về sĩ quan Hoàng Phú Thịnh, tập trung vào:

Sĩ quan Hoàng Phú Thịnh có nhận thức rõ vị trí, chức năng của mình không?

Sĩ quan Hoàng Phú Thịnh thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình như thế nào? Anh có xứng đáng là một người sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hay không? Em học tập được những gì từ anh ấy?

Câu 3: GV gợi ý HS sưu tầm các câu chuyện nói về nhiệm vụ của công an nhân dân thông qua thực tiễn tại địa phương, trên báo chí, truyền hình, tập trung vào: Câu chuyện về phát hiện, ngăn chặn và bắt giữ tội phạm; bảo đảm trật tự nơi công cộng, an toàn giao thông; xử phạt hành chính; tuần tra, bám nắm địa bàn,...

GV hướng dẫn HS rút ra những điều mình tâm đắc nhất ở những câu chuyện đó, từ đó định hướng HS về trách nhiệm của mình trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nhà trường và xã hội.

Lưu ý: Căn cứ vào tình hình cụ thể, GV có thể tổ chức hoạt động luyện tập ở lớp hoặc giao bài tập về nhà cho HS. Khi tổ chức tại lớp thì có thể tách hoặc lồng ghép với các đơn vị kiến thức tương ứng.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung – tổ chức thực hiện

Câu 1: GV gợi ý HS viết ra giấy các nội dung: Nhận thức về vị trí, chức năng của người sĩ quan như thế nào? Phấn đấu, rèn luyện để có những tiêu chuẩn, phẩm chất nào? Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm ra sao?

Câu 2: GV gợi ý HS các nội dung:

Nâng cao nhận thức về công tác quốc phòng và an ninh; học tập, tìm hiểu các luật và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về công tác quốc phòng và an ninh; nêu cao cảnh giác, nhận thức đúng đắn âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật; không để kẻ xấu lôi kéo, kích động; tuyên truyền về công tác quốc phòng và an ninh đến mọi người; sẵn sàng tham gia nghĩa vụ quân sự, công an nghĩa vụ và các nhiệm vụ khác để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3: GV hướng dẫn HS tìm đọc Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật Công an nhân dân để hiểu biết về bậc hàm của hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

Lưu ý: Trong bài có mục Em có biết? GV định hướng cho HS đọc và tìm hiểu để mở rộng kiến thức.

b) Dạng bài thực hành

Các bài học dạng thực hành thường diễn ra ở sân trường, bãi tập; có nhiều vật chất; đòi hỏi sự cố gắng cao về trí lực, thể lực của HS. Nội dung thực hành giúp HS thành thạo các kĩ năng quân sự cần thiết. Để thực hiện tốt các bài thực hành, GV cần thực hiện tốt các nội dung sau:

– Chuẩn bị chu đáo vị trí dạy học và luyện tập; bảo đảm đầy đủ vật chất khi dạy học và luyện tập; bồi dưỡng đội mẫu theo ý định dạy học.

Ví dụ: Trước khi dạy bài 10: Đội ngũ tiểu đội, GV cần chuẩn bị:

Địa điểm: GV chuẩn bị vị trí tập trung được cả lớp học để giới thiệu đội hình của tiểu đội và bảo đảm đủ ít nhất 3 vị trí để HS luyện tập.

Vật chất: Bộ tranh đội ngũ tiểu đội, giá treo tranh, que chỉ bảng.

Bồi dưỡng đội mẫu: GV lựa chọn 9 HS và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng người (tiểu đội trưởng, các số trong tiểu đội); bồi dưỡng hành động theo các bước tập hợp của tiểu đội hàng ngang, hàng dọc.

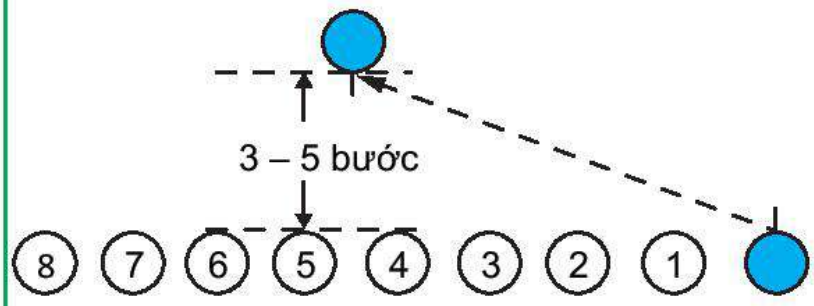

Hình 10.1. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

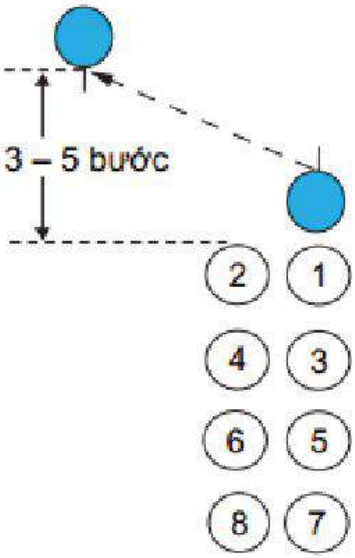

Hình 10.4. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

– Giảng dạy từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ phân đoạn đến tổng hợp, từ cơ bản đến ứng dụng.

Ví dụ: Khi dạy kĩ thuật băng vết thương ở bài 12: Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương, GV giới thiệu cho HS về hai kĩ thuật băng cơ bản là băng vòng xoắn và băng số 8, sau đó hướng dẫn HS vận dụng vào thực hành băng ở một số vị trí cụ thể trên cơ thể.

Từ hai kiểu băng trên, em hãy áp dụng vào băng cụ thể một số vị trí sau:

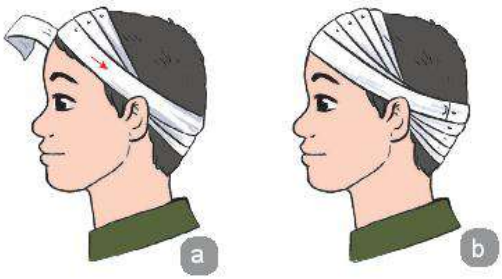

Hình 12.1. Băng trán

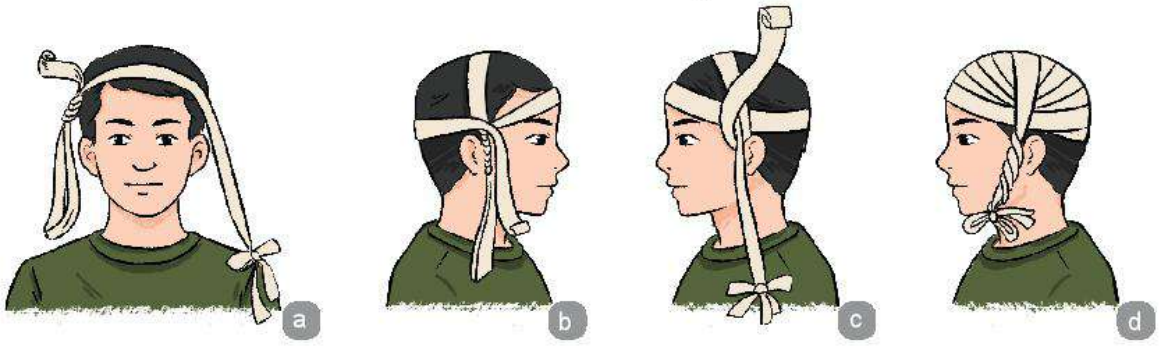

Hình 12.2. Băng đầu

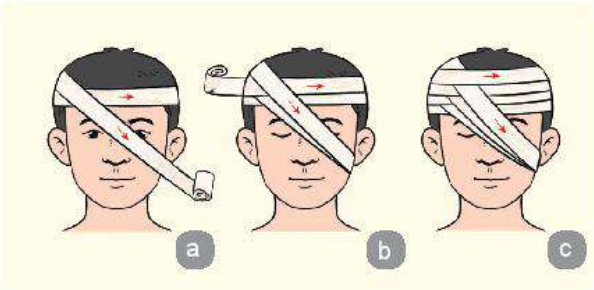

Hình 12.3. Băng một bên mắt

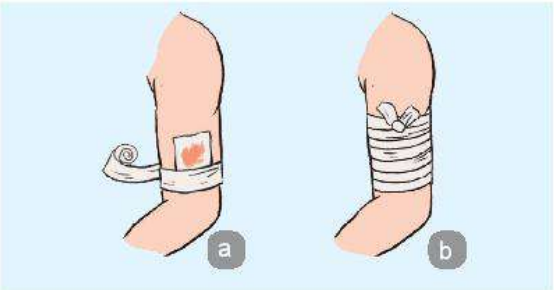

Hình 12.4. Băng cánh tay

– Vận dụng linh hoạt phương pháp thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu; động tác làm mẫu của GV hoặc đội mẫu phải chuẩn xác, dễ quan sát.

Ví dụ: Khi dạy bài 11: Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu, GV kết hợp với phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật và phương pháp làm mẫu. Phân tích làm rõ nội dung, ý nghĩa và trường hợp vận dụng của từng động tác; thực hành làm mẫu qua ba bước:

Bước 1: Làm nhanh, GV thực hiện các động tác với tốc độ và nhịp điệu như trong thực tế xảy ra.

Bước 2: Làm chậm phân tích, GV thực hiện động tác với tốc độ chậm, kết hợp với phân tích các kĩ thuật động tác. Sau đó, GV nêu điểm chú ý của động tác.

Bước 3: Làm tổng hợp, GV thực hiện rõ ràng từng cử động của động tác.

b) Hành động chiến đấu

Động tác bò cao khi chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK.

Động tác bò cao hai chân một tay: Vận dụng khi gần địch, sẵn sàng dùng súng hoặc cần có một tay để ôm, mang vũ khí.

Tư thế người ngồi xổm, bàn chân hơi kiễng lên.

Tư thế súng, dây súng quàng vào vai phải, tay phải nắm ốp lót tay, cánh tay phải kẹp súng vào hông phải.

Khi tiến, thân người hơi ngả về phía trước, tay trái dò mìn hoặc bẻ cành lá dọn đường tiến và chọn chỗ đặt chân, năm ngón tay chụm lại, sau đó xoè ra đẩy nhẹ lá cây ra các phía (Hình 11.2a). Khi tìm được nơi đặt chân, dùng các đầu ngón tay, chân trước làm trụ để giữ thăng bằng, nhấc chân sau lên đặt mũi bàn chân sát dưới lòng bàn tay trái. Cứ như vậy phối hợp chân tay để tiến (Hình 11.2b).

Động tác bò hai chân hai tay: Thường vận dụng trong trường hợp cần bò nhanh hơn bò hai chân một tay, khi hai tay không phải ôm vũ khí, khí tài. Động tác cơ bản giống động tác bò hai chân một tay chỉ khác súng đeo ở sau lưng, nòng súng quay xuống đất. Tay trái dọn và tìm chỗ đặt cho chân trái, tay phải dọn và tìm chỗ đặt cho chân phải (Hình 11.2c).

Chú ý: Khi tiến không nhấc mông lên cao, không để súng và trang bị trên người va chạm vào các vật khác.

Hình 11.2. Động tác bò cao

– Tổ chức luyện tập theo từng bước: Tự nghiên cứu; tập chậm; tập nhanh dần; tập tổng hợp. Kết hợp sửa tập kịp thời cho HS, thực hiện sai đâu sửa đó.

Ví dụ, khi tổ chức luyện tập các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng ở bài 9: Đội ngũ từng người không có súng, GV tổ chức luyện tập theo các bước sau:

Bước 1: Từng người nghiên cứu.

HS tự nghiên cứu khẩu lệnh, cách hô khẩu lệnh và từng chi tiết của động tác nhằm củng cố lại những nội dung đã được học.

Bước 2: Từng người luyện tập.

HS luyện tập chậm theo từng cử động của động tác đến tập nhanh dần và tập tổng hợp động tác.

Bước 3: Tổ luyện tập.

Tổ tiến hành luyện tập chậm theo từng cử động của động tác đến tập nhanh dần và tập tổng hợp động tác do tổ trưởng (đã được bồi dưỡng trước) duy trì và sửa tập. Khi sửa tập dùng khẩu lệnh và động tác để sửa tập.

Cử động 1 quay bên phải | Cử động 1 quay bên trái | Cử động 1 quay đằng sau

Hình 9.3

– Thường xuyên động viên, khích lệ HS tự giác, tích cực luyện tập thành thạo các động tác thực hành.

Trên đây là những gợi ý, GV căn cứ vào điều kiện cụ thể của nhà trường, lớp để tổ chức dạy học và luyện tập các nội dung thực hành sao cho phù hợp, hiệu quả, bảo đảm cho HS có điều kiện thực hành luyện tập, rèn luyện kĩ năng tốt nhất.

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Việc đánh giá HS lớp 10 từ năm học 2022 – 2023 áp dụng theo Thông tư số 22/2021/TT–BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về: Quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông.

a) Mục đích, yêu cầu đánh giá

– Mục đích: Đánh giá trong môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT;

cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lí giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

– Yêu cầu: Khi đánh giá HS trong môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

+ Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.

+ Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS; không so sánh HS với nhau.

b) Hình thức đánh giá

– Đánh giá bằng nhận xét.

+ GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

+ HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

+ Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình giáo dục HS, cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

+ Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

– Đánh giá bằng điểm số.

+ GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

+ Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện hình thức đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số.

c) Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh

– Đánh giá thường xuyên.

Đánh giá thường xuyên trong môn Giáo dục quốc phòng và an ninh là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học, theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS; xác nhận kết quả đạt được của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập. Đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, mỗi HS được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học.

Số điểm đánh giá thường xuyên đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong mỗi học kì chọn 2 (hai) lần điểm đánh giá thường xuyên.

– Đánh giá định kì.

Đánh giá định kì trong môn Giáo dục quốc phòng và an ninh là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS, theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Thông tư số 46/2020 của Bộ GD&ĐT; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lí giáo dục, GV.

Đánh giá định kì gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) là 45 phút; mỗi một học kì có 1 (một) điểm đánh giá giữa kì và 1 (một) điểm đánh giá cuối kì.

– Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS trong môn Giáo dục quốc phòng và an ninh là hoạt động thu thập, phân tích, xử lí thông tin thông qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; xác nhận kết quả đạt được của HS; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS để điều chỉnh quá trình dạy học và giáo dục.

Cách đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS được quy định rõ tại Điều 8 và Điều 9, Thông tư số 22/2021/TT–BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về: Quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông.

2. Gợi ý, ví dụ minh hoạ (trong sách) về đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, tự đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên

– Khi tổ chức dạy bài 2: Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam, GV có thể tiến hành đánh giá thường xuyên như sau:

Ở điểm 1. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh. Thông qua việc thảo luận nhóm và kết quả trình bày của các nhóm về: mục tiêu, đối tượng, nội dung học và phát triển bản thân trong Giáo dục quốc phòng và an ninh (bảng gợi ý ở trang 12 SGK), GV đánh giá được về phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ và năng lực giao tiếp, hợp tác. Sau đó, GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung, cuối cùng GV chốt lại các nội dung gợi ý trong bảng để HS tự đối chiếu, tự đánh giá kết quả học tập.

Ở điểm 2. Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và điểm 3. Luật Công an nhân dân, GV tiếp tục tổ chức thảo luận nhóm về vị trí, chức năng của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; vị trí, chức năng của Công an nhân dân,... qua đó đánh giá được sự tiến bộ hay không tiến bộ của HS về phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ và năng lực giao tiếp, hợp tác so với lần thảo luận trước. GV kết hợp sử dụng câu hỏi vấn đáp, hỏi HS về nội dung các ảnh ở hình 2.1 và 2.2 trong SGK thể hiện vị trí, chức năng nào của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam. Qua đó, đánh giá được năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của HS cũng như phân hoá được các đối tượng HS.

– Khi tổ chức dạy bài 9: Đội ngũ từng người không có súng, để đánh giá thường xuyên HS, GV có thể tiến hành như sau:

Thông qua luyện tập các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng, GV đánh giá được về ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm và sự cố gắng trong luyện tập; đánh giá sự thành thạo các động tác qua kiểm tra HS thực hiện động tác điều lệnh.

Khi tổ chức luyện tập động tác đi đều, đứng lại, GV có thể kiểm tra được HS thực hiện động tác nghiêm, nghỉ, động tác quay tại chỗ có chuẩn xác không, so với buổi học trước thì có sự tiến bộ hay không.

GV có thể kết hợp hỏi để kiểm tra kiến thức của HS, như: Khi đứng nghiêm, hai tay như thế nào? Ý nghĩa của động tác quay tại chỗ là gì? Khi đi đều, tay đánh về phía trước như thế nào?

b) Đánh giá định kì

– Đối với nội dung lí thuyết, GV có thể xây dựng các câu hỏi mở để kiểm tra viết hoặc yêu cầu HS tạo ra sản phẩm học tập. Ví dụ:

Quân đội nhân dân Việt Nam gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí được thể hiện như thế nào trong thực tiễn cuộc sống?

Em hãy chứng minh Công an nhân dân Việt Nam vì nhân dân phục vụ trong thực tiễn cuộc sống.

Em sẽ làm gì để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở địa phương em?

Hằng năm, ở địa phương em thường xảy ra một số loại thiên tai gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, em hãy đề xuất một số giải pháp để làm giảm thiệt hại do thiên tai đó gây ra.

– Đối với nội dung thực hành, GV có thể xây dựng các câu hỏi vấn đáp, câu hỏi thực hành để kiểm tra, đánh giá kĩ năng thực hành của HS. Ví dụ:

Em hãy nêu ý nghĩa của động tác quay tại chỗ. Hô và phân tích khẩu lệnh; thực hành động tác quay bên phải, quay đằng sau qua 2 bước (làm nhanh, làm tổng hợp). Nêu những điểm chú ý.

Em hãy nêu ý nghĩa của động tác đi đều, đứng lại. Hô và phân tích khẩu lệnh; thực hành động tác đi đều, đứng lại qua 2 bước (làm nhanh, làm tổng hợp). Nêu những điểm chú ý.

Em hãy nêu trường hợp vận dụng của đội hình tiểu đội hàng ngang. Thực hành các bước tập trung tiểu đội 1 và 2 hàng ngang.

Động tác đi khom vận dụng trong trường hợp nào? Thực hiện nhanh động tác đi khom sát với địa hình thực tế.

V. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ

1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

a) Cấu trúc sách giáo viên

– Cấu trúc sách: Quy ước viết tắt dùng trong sách; mục lục; lời nói đầu; phần một: Những vấn đề chung; phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể.

– Cấu trúc từng phần:

+ Phần một: Những vấn đề chung.

Phần một gồm mục tiêu và nội dung chương trình. Phần này giúp GV nắm được mục tiêu về phẩm chất, năng lực cũng như nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh 10; nắm chắc những định hướng vận dụng phương pháp và phương tiện dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả.

+ Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể.

Phần hai gồm 12 bài hướng dẫn dạy học tương ứng với 12 bài học trong SGK. Phần này giúp nhà trường và GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học theo từng bài học tương ứng trong SGK một cách thuận lợi nhất. Đồng thời, khuyến khích nhà trường và GV có thể linh hoạt, sáng tạo vận dụng các hình thức tổ chức, phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

– Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học:

+ Mục tiêu bài học: Hướng dẫn GV nắm được yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của từng bài đã được xác định trong khung chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

+ Thiết bị dạy học và học liệu: Hướng dẫn GV chuẩn bị đầy đủ các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy nhằm tổ chức cho HS học tập đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy.

+ Hướng dẫn tổ chức hoạt động học tập: Hướng dẫn GV cách thức tổ chức và tiến hành các hoạt động học tập theo từng đơn vị kiến thức trong SGK. Bên cạnh đó, GV có thể linh hoạt vận dụng các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp với tâm lí, nhận thức của HS cũng như tình hình cụ thể của nhà trường và địa phương.

b) Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV Giáo dục quốc phòng và an ninh lớp 10 là tài liệu giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh. Sách giúp GV có được những hiểu biết cơ bản về dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

Trên cơ sở những gợi ý của sách, GV có thể xây dựng kế hoạch bài dạy một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện trường lớp, địa phương và năng lực GV. GV cũng có thể dùng cách khởi động khác so với gợi ý của sách (câu hỏi, quan sát hình, xử lí tình huống, hoạt động khác,…); sử dụng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh, tình huống khác về công tác quốc phòng và an ninh để khám phá tri thức; sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học khác để tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng.

GV có thể sử dụng những gợi ý về cách xử lí tình huống hoặc nội dung bổ sung trong SGV để hướng dẫn HS khám phá kiến thức và vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn.

GV cũng có thể điều chỉnh thời gian phân bổ cho từng bài học (đây là điểm khác so với sách cũ, chương trình cũ). Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của bài học đặt ra theo Thông tư 46/2020 của Bộ GD&ĐT.

2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bài tập

– Cấu trúc sách gồm: Mục lục; lời nói đầu; phần một: Bài tập; phần hai: Hướng dẫn giải và đáp án.

– Phần một: Bài tập. Gồm các bài tập ngắn và đa dạng (trắc nghiệm, tự luận, xử lí tình huống,…), HS có thể hoàn thành và cảm thấy hứng thú với những bài tập này. Kiến thức đặt ra trong các bài tập là những kiến thức cơ bản từ SGK kết hợp với thực tế công tác quốc phòng và an ninh của đất nước. HS có thể dựa vào kiến thức đã học và thực tế cuộc sống để hoàn thành bài tập một cách thuận lợi, tránh tình trạng hoàn thành bài tập chỉ nhờ ghi nhớ máy móc. Từ đó, phát triển phẩm chất và năng lực về công tác quốc phòng và an ninh, kĩ năng quân sự.

– Phần hai: Hướng dẫn giải và đáp án. Với những câu hỏi trắc nghiệm, sách có hướng dẫn giải và đáp án để HS tự mình kiểm tra, đánh giá kết quả làm bài. Với những câu hỏi tự luận, xử lí tình huống,... sách có các gợi ý cụ thể để HS có thể phân tích thông tin, dựa vào thực tế công tác quốc phòng và an ninh đang diễn ra trong cuộc sống để hoàn thành bài tập một cách thuận lợi.

VI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng CNTT trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29–NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ–CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29–NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ–TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT giai đoạn 2016 – 2020,

định hướng đến năm 2025", NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau: Thứ nhất, nền tảng sách điện tử *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng *Hành trang số*, nền tảng trực tuyến hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bổ trợ và hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được cung cấp từ NXBGDVN xuyên suốt tới các cấp quản lí giáo dục và GV sử dụng bộ SGK.

NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

a) Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách dồi dào

Trong năm 2022, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, tài liệu tập huấn GV. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK chương trình mới. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* năm 2022 là hơn 10.000 – 15.000 học liệu, bao gồm lớp 1, 2, 3, lớp 6, 7 và lớp 10 thuộc Chương trình SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2022.

b) Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao

Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

Đối với nền tảng *Tập huấn*, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng *Trải nghiệm ngay* để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Người dùng có thể xem trực tiếp tài liệu trên nền tảng hoặc tải về máy để phục vụ mục đích học tập.

c) Hỗ trợ thường xuyên trong năm học

Nhằm hỗ trợ tối đa các thầy cô giáo và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai đường dây hỗ trợ: 1900 4503 (08:00 – 17:00, từ thứ 2 đến thứ 6). Các câu hỏi liên quan tới nền tảng *Tập huấn* và *Hành trang số,* thầy cô giáo và HS có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, *Hướng dẫn sử dụng* cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi. Các quý thầy cô có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a) Giới thiệu về Hành trang số: hanhtrangso.nxbgd.vn

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền *hanhtrangso.nxbgd.vn*. Hành trang số cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK cũng như các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy của GV, học tập của HS.

Hành trang số bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử, luyện tập và thư viện. Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, Hành trang số tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ. Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

Tính năng thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, Gif/ Hình ảnh, Âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú bài học. Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, hành trang số mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b) Giới thiệu về Tập huấn: taphuan.nxbgd.vn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: *taphuan.nxbgd.vn*. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và

định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên tập huấn được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở GD&ĐT cấp tài khoản cho các Phòng GD&ĐT, Phòng GD&ĐT cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

Đối với tài khoản GV: Tính năng tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/ Word, Video,… và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,… hỗ trợ thầy cô giáo truy cập bất kì thời điểm trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra – đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động. Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Nhà trường): Tính năng tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng Excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

c) Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của các bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như: video tiết học minh hoạ, tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word),… Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm trong năm học.

Khoản 2, Điều 2, Thông tư 12/2016/TT–BGDĐT quy định: Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: (1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, GV và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lí bộ sách, tham vấn SGV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

d) Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Các thầy cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng thư viện, các thầy cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, việc nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ mang đến hình ảnh trực quan nhằm thu hút sự chú ý của HS và nâng cao chất lượng bài giảng.

– Ngoài ra, các thầy cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng hành trang số kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử.

Phần thứ hai
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY (GIÁO ÁN)

Theo Công văn số 5512 ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, cấu trúc kế hoạch bài dạy gồm: mục tiêu; thiết bị dạy học và học liệu; tiến trình dạy học.

Căn cứ vào kế hoạch dạy học môn học của tổ chuyên môn, GV được phân công dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh lớp 10 xây dựng kế hoạch giáo dục của GV trong năm học; trên cơ sở đó xây dựng các kế hoạch bài dạy để tổ chức dạy học. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy thường được tiến hành như sau:

1. Xác định mục tiêu của bài học

Mục tiêu bài học vừa là cái đích hướng tới, vừa là yêu cầu cần đạt của giờ học, là thước đo kết quả quá trình dạy học. Do vậy, đây là bước rất quan trọng và không thể thiếu của mỗi kế hoạch bài dạy, giúp GV xác định rõ nhiệm vụ phải làm (dẫn dắt HS tìm hiểu, vận dụng những kiến thức, kĩ năng nào; phạm vi, mức độ đến đâu; qua đó giáo dục cho HS những bài học gì).

GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học trong chương trình để xác định mục tiêu về kiến thức, năng lực và phẩm chất.

– Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của bài học trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh.

– Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

– Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

2. Xác định nội dung dạy học

GV nghiên cứu nội dung trong SGK và tài liệu liên quan để xác định chính xác, đầy đủ những nội dung của bài học; xác định những kiến thức, kĩ năng và phẩm chất cơ bản cần hình thành và phát triển ở HS; xác định trình tự logic của bài học.

Trước hết, GV cần đọc kĩ nội dung bài học và hướng dẫn tìm hiểu bài trong SGK để hiểu, đánh giá đúng nội dung bài học, sau đó chọn, đọc thêm tư liệu để hiểu sâu, hiểu rộng nội dung bài học. Đồng thời, định hướng cách chọn, đọc tư liệu cho HS. GV nên chọn những tư liệu đã qua thẩm định, được đông đảo các nhà chuyên môn và GV tin cậy. Việc đọc SGK, tài liệu phục vụ cho việc soạn giáo án có thể chia thành 3 cấp độ sau: đọc lướt để tìm nội dung chính, xác định những kiến thức, kĩ năng cơ bản, trọng tâm, mức độ yêu cầu và phạm vi cần đạt; đọc để tìm những thông tin quan tâm: các mạch, sự bố cục, trình bày các mạch kiến thức, kĩ năng và dụng ý của tác giả; đọc để phát hiện và phân tích, đánh giá các chi tiết trong từng mạch kiến thức, kĩ năng. Trên cơ sở nghiên cứu SGK và tài liệu liên quan, GV xác định và đúc kết phạm vi, mức độ kiến thức, kĩ năng của bài học sao cho phù hợp với năng lực của HS và điều kiện dạy học. Từ đó, GV sẽ phác hoạ những nội dung và trình tự nội dung của bài giảng phù hợp, thậm chí có thể cải tiến cách trình bày các mạch kiến thức, kĩ năng của SGK, xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập giúp HS nhận thức, khám phá, vận dụng các kiến thức, kĩ năng trong bài một cách thích hợp.

3. Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của học sinh

Để tổ chức các hoạt động học tập hiệu quả, phù hợp với khả năng của HS, GV cần nghiên cứu và xác định những kiến thức, kĩ năng mà HS đã có và cần có; dự kiến những khó khăn, tình huống có thể nảy sinh và phương án giải quyết. Có xác định được chính xác khả năng của HS thì GV mới lựa chọn được phương pháp, phương tiện dạy học và các hình thức tổ chức dạy học khác phù hợp.

Kế hoạch bài dạy của GV có thực hiện được hay không phụ thuộc vào những kiến thức, kĩ năng mà HS đã có một cách chắc chắn, vững bền; những kiến thức, kĩ năng mà HS chưa có hoặc có thể quên; những khó khăn có thể nảy sinh trong quá trình học tập của HS.

4. Xác định phương pháp, phương tiện, thiết bị, học liệu dạy học

GV vận dụng các phương pháp, phương tiện dạy học hiện đại nhằm phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của cả người dạy và người học, nhằm nâng cao tri thức, bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực vận dụng tri thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp tự học, tác động tích cực đến tư tưởng, tình cảm, đem lại hứng thú học tập cho người học. Tăng cường sự tương tác đa chiều trong dạy học giữa GV với HS, giữa HS với nhau; kết hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác, học trong lớp với học ngoài lớp.

Tích cực ứng dụng CNTT vào dạy học, xác định cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

5. Thiết kế các hoạt động học tập

Mỗi bài học được thiết kế gồm bốn hoạt động: khởi động; khám phá; luyện tập; vận dụng. Trong từng hoạt động gồm các nội dung: mục tiêu; nội dung; sản phẩm; tổ chức thực hiện. Cách thiết kế các hoạt động cụ thể như sau:

a) Hoạt động 1: Khởi động

– Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

– Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà HS phải thực hiện (xử lí tình huống, câu hỏi, bài tập, thực hành,…) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

– Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà HS phải hoàn thành: kết quả xử lí tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

– Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

b) Hoạt động 2: Khám phá

– Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.

– Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của HS làm việc với SGK, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập.

– Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.

– Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

c) Hoạt động 3: Luyện tập

– Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

– Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành giao cho HS thực hiện.

– Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

– Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

d) Hoạt động 4: Vận dụng

– Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

– Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

– Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo, phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

– Tổ chức thực hiện: Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của GV.

Lưu ý:

Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HS thực hiện hiệu quả.

Trong kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HS thực hiện đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thực hành.

II. BÀI SOẠN MINH HOẠ

1. Dạng bài lí thuyết

BÀI 2. NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VIỆT NAM (2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

HS khám phá những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, cụ thể:

– Mục tiêu giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường.

– Vị trí, chức năng, nghĩa vụ và trách nhiệm của sĩ quan.

– Vị trí, chức năng của công an nhân dân; nghĩa vụ và trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân.

2. Về năng lực

Phân tích và trình bày được những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân.

3. Về phẩm chất

– Tích cực, chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quốc phòng và an ninh.

– Có định hướng nghề nghiệp sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, phấn đấu được ở lại phục vụ quân đội, công an lâu dài cũng như đăng kí thi vào các học viện, nhà trường quân đội và công an.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Tranh, ảnh theo hình 2.1 và 2.2 trong SGK; các loại tranh, ảnh khác liên quan đến quốc phòng và an ninh; giấy A0, A4.

– Văn bản Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS vào bài học và hướng HS tìm hiểu về nội dung cơ bản Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân.

b) Nội dung

HS thực hiện yêu cầu: Em hãy chia sẻ sự hiểu biết của mình về nhiệm vụ của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

c) Sản phẩm

Nêu được một số nhiệm vụ của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

GV nêu yêu cầu trong SGK và gọi HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài học.

II. Hoạt động 2: Khám phá

Tổ chức thực hiện lần lượt từng hoạt động học tập theo các đơn vị kiến thức của bài học. Mỗi hoạt động học được thể hiện các nội dung sau:

1. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Mục tiêu

HS trình bày được mục tiêu, quyền và trách nhiệm của mình trong học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành những nội dung theo bảng gợi ý trong SGK.

c) Sản phẩm

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH			
Mục tiêu	**Đối tượng học**	**Nội dung học**	**Phát triển bản thân**
Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Công dân có quyền và trách nhiệm học tập, nghiên cứu để nắm vững kiến thức quốc phòng và an ninh.	Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; điều lệnh đội ngũ; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân.	Có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kĩ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

d) Tổ chức thực hiện

– GV khái quát về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; chia nhóm và giao nhiệm vụ cho HS.

– HS làm việc theo nhóm và điền thông tin vào khổ giấy A0, GV theo dõi, giúp đỡ.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm, thống nhất nội dung.

2. Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nắm được vị trí, chức năng, nghĩa vụ, trách nhiệm của Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

– HS đọc thông tin và quan sát hình 2.1 trong SGK.

– Tham gia thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu:

+ Quan sát hình 2.1 và cho biết vị trí, chức năng của sĩ quan.

+ Hãy nêu nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan đối với Tổ quốc.

c) Sản phẩm

– Vị trí, chức năng của sĩ quan: Là lực lượng nòng cốt của quân đội và là thành phần chủ yếu trong đội ngũ cán bộ quân đội, đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lí hoặc trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ khác, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

– Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan đối với Tổ quốc:

+ Nghĩa vụ của sĩ quan: Sẵn sàng chiến đấu, hi sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng và Nhà nước,…

+ Trách nhiệm của sĩ quan: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về những mệnh lệnh của mình. Lãnh đạo, chỉ huy, quản lí, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của đơn vị theo chức trách được giao; bảo đảm cho đơn vị sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong bất kì hoàn cảnh, điều kiện nào.

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm, GV theo dõi, giúp đỡ.

– Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm, thống nhất nội dung về vị trí, chức năng, nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan.

3. Luật Công an nhân dân

a) Mục tiêu

HS trình bày được vị trí, chức năng của công an nhân dân và nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân.

b) Nội dung

– HS đọc thông tin và quan sát hình 2.2 trong SGK.

– Tham gia thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi:

+ Quan sát hình 2.2 và cho biết công an nhân dân có vị trí, chức năng gì.

+ Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan chiến sĩ công an nhân dân là gì.

c) Sản phẩm

HS trình bày được vị trí, chức năng của Công an nhân dân Việt Nam từ nội dung các ảnh ở hình 2.2.

Trình bày được nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam (ở cột yêu cầu đạt).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
– Giao nhiệm vụ học tập: Chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 2.2 trong SGK để trả lời câu hỏi. – Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm về nội dung các ảnh ở hình 2.2 và xác định vị trí, chức năng của công an nhân dân; nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam. – Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm; các nhóm khác lắng nghe và bổ sung. – Kết luận, nhận định: Tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của các nhóm. Thống nhất về vị trí, chức năng của công an nhân dân; nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam.	– Vị trí của công an nhân dân: Là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. – Chức năng của công an nhân dân: Thực hiện quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội,… – Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân: Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân, với Đảng và Nhà nước. Trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; tận tuỵ phục vụ nhân dân, kính trọng, lễ phép đối với nhân dân,…

4. Phấn đấu trở thành sĩ quan quân đội và công an nhân dân

a) Mục tiêu

HS nắm được điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam; có hướng phấn đấu trở thành sĩ Quân đội hoặc Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung

HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

+ Điều gì đã khiến Hoàng Phú Thịnh quyết tâm trở thành sĩ quan.

+ Để trở thành sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân em sẽ làm những gì.

c) Sản phẩm

– Lí do Hoàng Phú Thịnh quyết tâm trở thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là có thể đem sức lực, trí tuệ của mình cống hiến cho Tổ quốc; thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm cao cả của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Để trở thành sĩ quan, HS cần phải tích cực học tập, rèn luyện theo các tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khoẻ để đủ điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi của GV.

– Báo cáo, thảo luận: GV vận dụng phương pháp vấn đáp để làm rõ nội dung.

– Kết luận, nhận định: GV thống nhất nội dung.

III. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức đã học về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân vào thực hành các nhiệm vụ cụ thể.

b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu và trả lời câu hỏi, tình huống luyện tập.

c) Sản phẩm

Câu 1. Xác định mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực khi học tập các nội dung: Chính sách quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước; truyền thống đánh giặc của dân tộc; kĩ năng về điều lệnh đội ngũ, kĩ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh,…

Câu 2. Sĩ quan Hoàng Phú Thịnh đã nhận thức sâu sắc vị trí, chức năng của mình; luôn nỗ lực, quyết tâm, khắc phục khó khăn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, làm tròn nghĩa vụ, trách nhiệm của một người sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Anh xứng đáng là một người Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, là tấm gương để HS học tập, phấn đấu làm theo.

Bài học từ sĩ quan Hoàng Phú Thịnh: Quyết tâm phấn đấu theo con đường đã chọn; có tinh thần trách nhiệm cao; hết lòng vì nhiệm vụ; không sợ khó khăn, vất vả; sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc,…

Câu 3. Câu chuyện về phát hiện, ngăn chặn và bắt giữ tội phạm; bảo đảm trật tự nơi công cộng, an toàn giao thông; xử phạt hành chính; tuần tra, bám nắm địa bàn,...

Những điều có thể rút ra từ những câu chuyện trên: Sự tận tuỵ, hết lòng phục vụ nhân dân của lực lượng công an nhân dân; tinh thần trách nhiệm với công việc; sự dũng cảm, gan dạ, mưu trí, linh hoạt,…

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện các câu hỏi luyện tập và ghi ra giấy.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc và đối chiếu các thông tin; quan sát tại địa phương, sưu tầm trên các phương tiện thông tin đại chúng và ghi ra giấy nội dung trả lời từng câu hỏi.

– Báo cáo, thảo luận: GV thu sản phẩm của HS, lựa chọn những câu trả lời điển hình để thảo luận trước lớp.

– Nhận định, kết luận: Nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HS; thống nhất, định hướng chung cho HS theo từng câu hỏi.

IV. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung

HS vận dụng kiến thức đã học về nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan vào trách nhiệm của bản thân để đưa ra quan điểm theo từng nội dung vận dụng.

c) Sản phẩm

Câu 1. Sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam có vị trí, chức năng rất quan trọng; khi trở thành sĩ quan phải tích cực học tập, rèn luyện theo những tiêu chuẩn về phẩm chất chung của người sĩ quan; luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ và nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ; đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân,…

Câu 2. Nâng cao nhận thức về công tác quốc phòng và an ninh; học tập, tìm hiểu các luật và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về công tác quốc phòng và an ninh; nêu cao cảnh giác, nhận thức đúng đắn âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật; không để kẻ xấu lôi kéo, kích động; tuyên truyền về công tác quốc phòng và an ninh đến mọi người; sẵn sàng tham gia nghĩa vụ quân sự, công an nghĩa vụ và các nhiệm vụ khác để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3. Cấp bậc hàm của hạ sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam gồm: Hạ sĩ; Trung sĩ; Thượng sĩ. Bậc hàm của chiến sĩ Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam gồm Binh nhì và Binh nhất.

d) Tổ chức thực hiện

– Hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học, gắn trách nhiệm của HS với Tổ quốc để trả lời câu hỏi.

– Yêu cầu HS viết ra giấy hoặc trình bày trước lớp; GV kiểm tra.

– Nhận xét, định hướng nội dung HS cần thực hiện trong học tập và cuộc sống ở nhà trường và địa phương.

2. Dạng bài thực hành

BÀI 9. ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG (4 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được ý nghĩa, thực hiện được các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng.

2. Về năng lực

Thực hiện các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng chính xác, nhanh, mạnh, đẹp và thống nhất.

3. Về phẩm chất

Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong luyện tập, thành thạo các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng; có ý thức, tổ chức kỉ luật và đoàn kết.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Bộ tranh điều lệnh đội ngũ từng người không có súng; HS mang, mặc trang phục thống nhất theo quy định, đội mũ cứng, đi giày vải; vị trí dạy học và luyện tập đủ cho cả lớp.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

HS nêu được tên một số động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng; tạo hướng thú học tập các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng ở bài học mới.

b) Nội dung

HS thực hiện các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng đã biết.

c) Sản phẩm

Động tác nghiêm, nghỉ; quay tại chỗ; đi đều, đứng lại,…

d) Tổ chức thực hiện

– GV tập trung lớp học; tiến hành công tác kiểm tra; phổ biến các quy định, kí, tín hiệu điều hành luyện tập; nêu câu hỏi và gọi HS thực hiện.

– HS thực hiện các động tác điều lệnh đội ngũ đã biết.

– HS nhận xét, bổ sung các động tác điều lệnh.

– GV thống nhất tên các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng, định hướng HS vào bài học mới.

II. Hoạt động 2. Khám phá

Nội dung của bài học thể hiện trong SGK từ trang 48-59, gồm các mục như sau: I. Động tác nghiêm, nghỉ; II. Động tác quay tại chỗ; III. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều; IV. Động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều; V. Động tác chào, thôi chào; VI. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy; VII. Động tác chạy đều, đứng lại.

Khi biên soạn kế hoạch bài dạy, GV phải biên soạn đầy đủ các mục. Tuy nhiên, ở phạm vi tài liệu tập huấn, chỉ tập trung minh hoạ cách biên soạn mục III. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều. Cách biên soạn các mục khác tương tự.

1. Động tác đi đều, đứng lại

a) Mục tiêu

HS nêu được tên, ý nghĩa động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) Nội dung

HS nghe, quan sát GV làm mẫu động tác đi đều; thực hiện động tác theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm

– HS nắm được ý nghĩa, khẩu lệnh của động tác đi đều, đứng lại.

+ Ý nghĩa: Thực hiện khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự, biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh và trang nghiêm.

+ Khẩu lệnh:

"Đi đều – BƯỚC", có dự lệnh và động lệnh. "Đi đều" là dự lệnh, "BƯỚC" là động lệnh.

"Đứng lại - ĐỨNG", có dự lệnh và động lệnh. "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh. Hô dự và động lệnh đều rơi vào chân phải.

– HS thực hiện được cử động 1, cử động 2 của động tác đi đều, đứng lại.

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập:

+ GV nêu ý nghĩa, nêu và phân tích khẩu lệnh động tác đi đều, đứng lại; làm mẫu qua ba bước:

Bước 1: Làm nhanh; bước 2: Làm chậm phân tích; bước 3: Làm tổng hợp.

+ GV nêu điểm chú ý.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe, quan sát, nắm kĩ thuật động tác.

– Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện các cử động của động tác đi đều, đứng lại (sau khi làm mẫu xong, GV kiểm tra nhận thức HS).

– Nhận định, kết luận: GV nhận xét động tác thực hiện của HS.

2. Động tác đổi chân khi đang đi đều

a) Mục tiêu

HS nắm được trường hợp vận dụng, biết thực hiện động tác đổi chân khi đang đi đều.

b) Nội dung

HS nghe, quan sát, nắm kĩ thuật động tác đổi chân khi đang đi đều.

c) Sản phẩm

– HS nắm được trường hợp vận dụng của động tác: Khi đang đi đều, tiếng hô của người chỉ huy: "Một" rơi vào lúc bàn chân trái vừa chạm đất; "Hai" rơi vào lúc bàn chân phải vừa chạm đất. Khi đang đi trong đội hình, thấy mình đi sai với nhịp hô của người chỉ huy thì phải đổi chân ngay.

– HS thực hiện được ba cử động của động tác đổi chân khi đang đi đều.

d) Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập:

+ GV nêu trường hợp vận dụng, làm mẫu qua ba bước:

Bước 1: Làm nhanh; bước 2: Làm chậm phân tích; bước 3: Làm tổng hợp.

+ GV nêu điểm chú ý.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe, quan sát nắm kĩ thuật động tác đổi chân khi đang đi đều.

– Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện các cử động của động tác đổi chân khi đang đi đều (sau khi làm mẫu xong, GV kiểm tra nhận thức HS).

– Nhận định, kết luận: GV nhận xét động tác thực hiện của HS.

III. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

HS luyện tập thành thạo các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng.

b) Nội dung

HS thực hành luyện tập các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng theo ý định của GV.

c) Sản phẩm

HS thực hiện các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng chuẩn xác, đều, đẹp, thống nhất.

d) Tổ chức thực hiện

Tổ chức luyện tập lần lượt hoặc kết hợp luyện tập các động tác, khi luyện tập động tác sau kết hợp ôn luyện động tác trước. Cách tổ chức luyện tập như sau:

– Phổ biến ý định luyện tập, gồm: nội dung luyện tập, tổ chức luyện tập, phương pháp luyện tập (từng người nghiên cứu; từng người luyện tập; tổ luyện tập), phương pháp sửa tập, kí, tín hiệu điều hành luyện tập, địa điểm, hướng tập.

– Duy trì luyện tập và sửa tập lần lượt theo các bước: bước 1: Từng người nghiên cứu; bước 2: Từng người luyện tập (tập chậm, tập nhanh dần, tập tổng hợp); bước 3: Tổ luyện tập (tập chậm, tập nhanh dần, tập tổng hợp).

– Nhận xét, chuyển nội dung.

IV. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng vào các hoạt động của nhà trường, lớp.

b) Nội dung

HS thực hiện các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng theo khẩu lệnh của người duy trì vào từng hoạt động cụ thể.

c) Sản phẩm

HS thực hiện các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng trong các hoạt động của nhà trường, lớp chuẩn xác, đều, đẹp và thống nhất trong đội hình chung của tổ, lớp và khối.

d) Tổ chức thực hiện

GV duy trì và yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng đã được học trong các hoạt động chung của nhà trường, lớp.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM VĨNH THÔNG
Thiết kế sách: NGUYỄN THÚY LOAN
Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG
Sửa bản in: PHẠM VĨNH THÔNG – NGUYỄN THỊ HÀ
Chế bản: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*
– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH LỚP 10

Mã số: .....
In .....bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26.5cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số QĐXB: .../CXBIPH/.../GD
Số ĐKXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...
In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

SÁCH KHÔNG BÁN